

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ “CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ” TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

NGUYỄN TÚ *

Lấn tránh thuế chống bán phá giá là một chiến lược trong hoạt động thương mại quốc tế của các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài khi quốc gia nhập khẩu áp dụng thuế chống bán phá giá đối với các sản phẩm tương tự đó để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Việt Nam là một quốc gia có nhiều ngành sản xuất bị nước ngoài kiện vì hành vi lấn tránh thuế chống bán phá giá, chẳng hạn như: Ngày 04/10/2011, Brazil ra quyết định khởi kiện điều tra chống lấn tránh thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm giày dép nhập khẩu từ Việt Nam và Indonesia; Vụ kiện của Hoa Kỳ đối với sản phẩm móc áo bằng thép của Việt Nam...⁽¹⁾. Vì thế, sự cần thiết phải tìm hiểu về bản chất của lấn tránh thuế chống bán phá giá, thực tế của hiện tượng lấn tránh thuế chống bán phá giá, cũng như quy định và hoạt động chống lấn tránh thuế chống bán phá giá trong thương mại quốc tế. Từ đó có những kiến nghị nhằm xây dựng và hoàn thiện quy định về chống lấn tránh thuế chống bán phá giá của Việt Nam. Đồng thời, từ những phân tích về quy định chống lấn tránh thuế chống bán phá giá ở một số quốc gia trên thế giới, các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tham khảo để chuẩn bị đối phó khi hàng hóa xuất xứ từ Việt Nam bị áp dụng chống lấn tránh thuế chống bán phá giá ở nước ngoài.

1. Bản chất của hành vi lấn tránh thuế chống bán phá giá thể hiện ở chỗ nhà xuất khẩu nước ngoài che dấu nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm bán phá giá đối với cơ quan hải quan của nước nhập khẩu, các đối tác tham gia kinh doanh và người tiêu dùng. Hành vi này được thể hiện ở việc nhà sản xuất nước ngoài chuyển một phần hoặc toàn bộ nhà máy sản xuất sản phẩm tương tự từ quốc gia đang bị áp dụng thuế chống bán phá giá sang một quốc gia thứ ba không bị đánh thuế chống bán phá giá. Theo các nhà nghiên cứu⁽²⁾, lấn tránh thuế chống bán phá giá được phân thành bốn loại:

Thứ nhất, lấn tránh thuế có thể tồn tại dưới dạng xuất khẩu các phụ tùng riêng lẻ hoặc các thành phần của sản phẩm bị chống bán phá giá tới nước thứ ba, và lắp ráp sản phẩm hoàn thiện ở đây. Trường hợp này được gọi là lấn tránh thuế ở nước thứ ba;

Thứ hai, lấn tránh thuế ở quốc gia nhập khẩu, tức là nhà xuất khẩu xuất các phụ tùng riêng lẻ hoặc các thành phần của sản phẩm bị đánh thuế chống bán phá giá vào quốc gia áp dụng thuế chống bán phá giá và lắp ráp sản phẩm ở đây;

^(*) NCS Khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội.

⁽¹⁾ Nguồn: chongbanphagia.vn.

⁽²⁾ Lucia Ostoni, Anti-Dumping Circumvention in the EU and the US: Is There a Future For Multilateral Provisions Under the WTO?

Thứ ba, khi một phần hoặc toàn bộ sản lượng của sản phẩm bị đánh thuế chống bán phá giá được chuyển từ quốc gia xuất xứ sang quốc gia nhập khẩu hoặc quốc gia thứ ba. Trường hợp này, nhà sản xuất lẫn tránh thuế bằng cách quyết định chuyển hoạt động sản xuất;

Thứ tư, loại này được gọi là lẫn tránh thuế bằng cách tạo ra sự thay đổi nhỏ đối với các sản phẩm nhập khẩu bị áp thuế chống bán phá giá. Sự thay đổi này có thể liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau của sản phẩm bị đánh thuế chống bán phá giá, chẳng hạn như cách mà sản phẩm được thể hiện trước người tiêu dùng. Hành vi gian lận này chỉ thành công khi vừa đủ để phân biệt với sản phẩm ban đầu mà không làm sự thay đổi thói quen của người tiêu dùng.

2. Đến nay, Tổ chức thương mại thế giới (WTO) chưa có khái niệm chung về lẫn tránh thuế chống bán phá giá. Do vậy, một số thành viên của WTO đã ban hành các văn bản pháp lý về chống lẫn tránh thuế của riêng mình⁽³⁾. Theo Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) 1994, các quy định chống lẫn tránh thuế đơn phương là hợp pháp và phù hợp với quy định của GATT⁽⁴⁾. Liên minh Châu Âu (EU) và Hoa Kỳ là các quốc gia đi đầu quy định về lẫn tránh thuế chống bán phá giá. Kể từ khi Hiệp định chống bán phá giá (ADA) có hiệu lực, các quy định về chống bán phá giá và lẫn tránh thuế chống bán phá giá của các quốc gia này đã được sửa đổi cho phù hợp với Hiệp định ADA.

EU đã đưa ra các quy định về chống lẫn tránh thuế như là một phần không thể tách rời của quy định về chống bán phá giá của EU. Điều 13(1) quy định về chống

lẩn tránh thuế bán phá giá của EU như sau: (1) một sự thay đổi mô hình hoạt động thương mại thường xuyên giữa EU và quốc gia thứ ba; (2) không thể để liên quan đến sự thay đổi này trong mô hình thương mại do một nguyên nhân hoặc do một sự biến minh kinh tế hơn là việc áp dụng thuế chống bán phá giá. (3) bằng chứng cho thấy những tác động của thuế chống bán phá giá đã làm giảm về giá và/hoặc số lượng về sản phẩm tương tự; (4) bằng chứng cho thấy phá giá có liên hệ đến sản phẩm giống hoặc tương tự⁽⁵⁾.

Do cách hiểu mở rộng của quy định chống lẫn tránh thuế, dẫn đến có thể phát hiện lẫn tránh thuế trong từng hợp các hành vi có bản chất khác nhau (*chẳng hạn như là sự thay đổi nhỏ của sản phẩm bán phá giá, hoặc khi sản phẩm bán phá giá được kết hợp với sản phẩm khác*). Điều 13(2) giải quyết một cách rõ ràng đối với các trường hợp lẫn tránh thuế với vấn đề liên quan đến lắp ráp. Để điều tra lẫn tránh thuế về lắp ráp, phải tồn tại hai điều kiện: (1) việc lắp ráp phải được thực hiện ở EU hoặc quốc gia thứ ba, và là bằng chứng cho hoạt động này bắt đầu hoặc phát triển sau khi hoặc chỉ trước khi cuộc điều tra chống bán phá giá; (2) phụ tùng hoặc các linh kiện được sử dụng cho lắp ráp phải được nhập khẩu từ quốc gia bị điều tra chống bán phá giá hoặc từ phán quyết cuối cùng. Để đạt được điều kiện thứ hai, phụ tùng hoặc linh kiện nhập

⁽³⁾ Xem: *generally* ANTI-DUMPING UNDER THE WTO: A COMPARATIVE REVIEW (Keith Steel ed., 1996). Australia, Canada, Japan, Mexico, New Zealand, as well as the EU and US have adopted anti-circumvention measures.

⁽⁴⁾ Xem: GATT 1994.

⁽⁵⁾ Quy định EC số 384/96 ngày 22 tháng 12/2005 “Quy định của EU về chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá”.

khẩu từ quốc gia bị điều tra chống bán phá giá để sử dụng lắp ráp phải chiếm ít nhất 60% tổng giá trị của phụ tùng được sử dụng hoặc 60% giá trị của sản phẩm cuối cùng⁽⁶⁾. Điều này có nghĩa rằng ít nhất 60% giá trị phụ tùng/linh kiện cấu thành sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ từ nước bị điều tra, và phần còn lại của phụ tùng/linh kiện này có nguồn gốc từ EU hoặc nước thứ ba (40% hoặc ít hơn giá trị còn lại của sản phẩm)⁽⁷⁾. Trong bất cứ trường hợp nào, theo quy định về chống lấn tránh thuế chống bán phá giá của EU, việc lấn tránh thuế không bao gồm nếu kết quả giá đối với lắp ráp hoặc hoạt động hoàn thành lớn hơn 25% của chi phí sản xuất. Điều kiện cuối cùng này là rất nghiêm ngặt, từ khi kiểm tra tính toán giá trị gia tăng trong quá trình hoạt động lắp ráp, nhưng không phải là giá trị của phụ tùng/linh kiện được sử dụng trong quá trình hoạt động, cho dù những phụ tùng này có nguồn gốc xuất xứ từ EU.

Khi có nghi ngờ về hành vi lấn tránh thuế, ngành sản xuất trong nước của EU có thể nộp đơn yêu cầu Ủy ban EU để đưa ra chứng cứ về các hoạt động lấn tránh thuế. Ủy ban EU có thể khởi xướng cuộc điều tra sơ bộ, và thủ tục kết thúc trong 9 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ. Mục đích chính của việc điều tra này là tìm ra sự tồn tại của thiệt hại đáng kể đối với lợi ích cộng đồng kể từ khi biện pháp chống bán phá giá được thông qua, hành vi lấn tránh thuế được coi là nguyên nhân chính. Để xác minh nếu các điều kiện của Điều 13, quy định chống lấn tránh thuế chống bán phá giá của EU đạt yêu cầu, và cần thiết để quyết định: (1) nếu những ảnh hưởng khắc phục của các biện pháp chống bán phá giá đã bị làm cho suy

giảm; (2) nếu phá giá tồn tại các khía cạnh đối với giá thông thường của sản phẩm tương tự đã được xác lập trong cuộc điều tra trước khi thông qua các biện pháp chống bán phá giá⁽⁸⁾.

Quá trình tiến hành điều tra lấn tránh thuế chống bán phá giá, cơ quan điều tra phải:

Thứ nhất, cơ quan điều tra xác định giá của sản phẩm bán phá giá (như đã được tính toán ở trong giai đoạn điều tra sơ bộ), tiếp theo là thêm thuế chống bán phá giá (để nhằm mục đích đạt được giá không bị phá giá). Cuối cùng, so sánh thuế không bị bán phá giá với giá nhập khẩu hiện tại. Nếu có sự khác biệt, lấn tránh thuế có thể bị nghi ngờ;

Thứ hai, Ủy ban Châu Âu chỉ tập trung vào việc điều tra nếu có sự thiệt hại đến lợi ích của cộng đồng, sự khác biệt giữa giá bán phá giá bị cáo buộc (*được tính toán trong mối quan hệ giữa sản phẩm tương tự tham gia vào hoạt động lấn tránh thuế*) và giá trị thông thường của sản phẩm bán phá giá, cũng như là đã được tính toán trước khi thông qua quyết định các biện pháp chống bán phá giá. Đối với cách tính toán này, một số vấn đề có thể phát sinh trong trường hợp các sản phẩm được lắp ráp ở cộng đồng: đơn thuần các linh kiện xuất khẩu và do đó không thể tính toán được giá xuất khẩu hiện tại của hàng hóa bán phá giá và so sánh với giá thông thường của sản phẩm, như giá đã được tính toán trong điều tra chống bán phá giá

⁽⁶⁾ Xem: *Quy định chống lấn tránh thuế chống bán phá giá của EU*, điều. 13(2)(b).

⁽⁷⁾ Xem: *Quy định của Hội đồng số 2423/88*, điều 13(10)(a), 1988 O.J.L 209.

⁽⁸⁾ Xem: *Quy định về chống lấn tránh thuế của EU*, điều 13(2)(c).

sơ bộ. Các biện pháp chống lẩn tránh thuế sẽ được áp dụng nếu sự khác biệt về giá vẫn tồn tại với giá được điều tra tước khi điều tra chống bán phá giá.⁽⁹⁾

Trường hợp cuộc điều tra được khẳng định, Hội đồng Châu Âu có thể quyết định gia hạn các biện pháp chống bán phá giá hiện thời theo đề nghị của Ủy ban Châu Âu. Việc đánh thuế được áp dụng hồi tố kể từ ngày đăng ký của sản phẩm nhập khẩu để chống bán phá giá. Áp dụng thuế lẩn tránh thuế chống bán phá giá không phải cộng dồn: (1) nếu hành vi lẩn tránh thuế lắp đặt ở quốc gia nhập khẩu, các biện pháp chống lẩn tránh thuế được áp dụng đối với linh kiện nhập khẩu, dựa trên cơ sở giá của linh kiện nhập khẩu từ quốc gia bị áp thuế chống bán phá giá; (2) trong trường hợp lẩn tránh bằng cách lắp ráp ở nước thứ ba, thuế chống bán phá giá được áp dụng cho sản phẩm cuối cùng trên cơ sở giá trị của sản phẩm⁽¹⁰⁾.

Cũng giống như EU, việc thông qua Hiệp định ADA đã buộc nghị viện Hoa Kỳ đưa ra một bộ các quy tắc về chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá. Những quy định mới này được thông qua để giải quyết cụ thể các hành vi gian lận mới xuất hiện mà trước đây pháp luật trong nước đã không đề cập đến một cách phù hợp. Theo đạo luật thuế quan hiện thời 781, 19.U.S.C.1667j, (*quy định chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá*) theo đó có các trường hợp mà các biện pháp chống lẩn tránh thuế có thể được áp dụng⁽¹¹⁾: (1) nếu hàng hóa cùng loại hoặc giống với hàng hóa đang bị áp thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp hoặc đang điều tra chống bán phá giá, được hoàn thành hoặc lắp ráp ở Hoa Kỳ, và các linh kiện được nhập từ quốc gia đang bị áp thuế chống

bán phá giá đối với mặt hàng đó. Trong trường hợp này, các biện pháp chống lẩn tránh thuế được áp dụng nếu hoạt động lắp ráp thực hiện ở Hoa Kỳ là “*nhỏ hoặc không đáng kể*,” và nếu giá trị của linh kiện lắp ráp là một “*tỷ lệ đáng kể*” của tổng giá trị của hàng hóa⁽¹²⁾; (2) các biện pháp chống lẩn tránh thuế có thể được thông qua khi hàng hóa đó giống hoặc cùng chủng loại với hàng hóa đang bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp hoặc điều tra chống bán phá giá, được nhập khẩu vào Hoa Kỳ sau khi được lắp ráp ở quốc gia trung gian. Nếu trong quá trình lắp ráp hàng hóa, nhà xuất khẩu sử dụng linh kiện là đối tượng bị điều tra chống bán phá giá, hoặc linh kiện đó là đối tượng được nhập khẩu từ quốc gia đang bị áp thuế chống bán phá giá, biện pháp chống lẩn tránh thuế có thể được thông qua. Cũng giống như trường hợp được lắp ráp ở Châu Âu, để áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh thuế phải đạt được một số tiêu chí sau: việc lắp ráp thực hiện ở quốc gia nước ngoài, phải “*nhỏ hoặc không đáng kể*” và giá trị của linh kiện lắp ráp phải là “*tỷ lệ đáng kể*” của tổng giá trị hàng hóa; (3) khi hàng hóa đó

⁽⁹⁾ Quy định về chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của EU.

⁽¹⁰⁾ Xem: Edwin Vermulst và Paul Waer, Anti-Diversion Rules in Anti-Dumping Procedures: Interface or Short-Circuit for the Management of Interdependence, 11 MICH. J. INT'L L. 1119 (1990).

⁽¹¹⁾ Quy định về chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ.

⁽¹²⁾ Xem: Quy định về chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ, để xác định hoạt động là “không đáng kể” hoặc “đáng kể,” Bộ thương mại Hoa Kỳ (DOC) sẽ đưa vào một số nhân tố như mức độ đầu tư, nghiên cứu và phát triển ở Hoa Kỳ, bản chất của quy trình mà nó xảy ra ở Hoa Kỳ, mức độ cơ sở vật chất tọa lạc ở đây, và giá trị của hàng hóa được bán ở Hoa Kỳ; xem thêm Hoa Kỳ kiện Mast Industries, Inc, 668 F.2d 501, 506-507 (1998).

là đối tượng của các biện pháp chống bán phá giá được thay đổi “*một phần nhỏ*,” không phân biệt sự thay đổi thuế quan, nếu có; (4) *cuối cùng*, các biện pháp chống lấn tránh thuế có thể được thông qua là khi hàng hóa được phát triển mà không thay đổi đặc tính của nó sau khi cuộc điều tra chống bán phá giá được khởi xướng (được gọi là “*sản phẩm được phát triển sau đó*”).

Khi đó, DOC sẽ tính toán một vài nhân tố trước khi ấn định thuế chống bán phá giá: (1) có hay không hàng hóa phát triển sau đó có đặc tính lý hóa chung giống với hàng hóa bán phá giá; (2) có hay không sự kỳ vọng mua vào của hàng hóa phát triển sau đó giống như là hàng hóa bán phá giá; (3) có hay không sản phẩm phát triển sau đó và sản phẩm bán phá giá cùng giống mục đích sử dụng cuối cùng; (4) có hay không kênh bán sản phẩm của sản phẩm phát triển sau đó và sản phẩm bán phá giá là giống nhau; (5) có hay không sản phẩm phát triển sau đó được quảng cáo và trưng bày theo cách tương tự với sản phẩm bán phá giá đã được làm⁽¹³⁾.

Khi DOC xác định có hành vi lấn tránh thuế, cơ quan này sẽ đưa thêm vào các nhân tố trước khi xác định liệu có gia hạn biện pháp chống bán phá giá hiện thời hay không, đó là: (1) sự thay đổi trong mô hình thương mại (bao gồm nguồn gốc của các mẫu phụ tùng được sử dụng để sản xuất sản phẩm cuối cùng); (2) sự liên kết (nếu có) giữa nhà sản xuất/nhập khẩu của hàng hóa với nhà điều hành lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm trong hoặc ngoài Hoa Kỳ; (3) sự tăng trưởng nhập khẩu của linh kiện sau khi khởi xướng điều tra chống bán phá giá.

3. Thực tế, có sự khác biệt về định nghĩa hành vi lấn tránh thuế của EU và

Hoa Kỳ và thủ tục quản lý của họ đối với việc gia hạn lệnh chống bán phá giá, thừa nhận rằng pháp luật của EU đưa ra những tham chiếu để xác định phần trăm của phụ tùng từ các quốc gia đối tượng bị đánh thuế chống bán phá giá: *60% của tổng giá trị phụ tùng lắp ráp*. Trong khi đó Hoa Kỳ lại kết hợp các quan điểm rằng hoạt động lắp ráp phải là “*nhỏ hoặc không đáng kể*,” và giá trị của hàng hóa được sản xuất ở quốc gia bán phá giá phải là “*tỷ lệ đáng kể*” của giá trị hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

Các tranh cãi xảy ra nhiều hơn nữa là khi hoạt động lắp ráp bao hàm một sự thay đổi của việc xác định nơi xuất xứ. Thực tế, nếu việc lắp ráp hoặc hoàn thiện của các hoạt động xác định sự thay đổi trong phán quyết về nơi xuất xứ của hàng hóa bán phá giá, việc đưa hàng hóa này vào trong lệnh chống bán phá giá bao hàm việc gia hạn các biện pháp chống bán phá giá đối với các hoạt động nhập khẩu mà không phải là đối tượng xuất xứ trong cuộc điều tra chống bán phá giá. Điều này có thể không phù hợp với GATT 1994, đã quy định rằng: “không các bên ký kết nào sẽ đánh thuế chống bán phá giá... đối với việc nhập khẩu của bất kỳ sản phẩm nào của lãnh thổ của các bên ký kết khác trừ phi xác định rằng ảnh hưởng của bán phá giá hay trợ cấp, theo từng trường hợp, là nguyên nhân hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho việc thành lập ngành sản xuất trong nước, hoặc trì hoãn nghiêm trọng việc thành lập ngành sản xuất trong nước”⁽¹⁴⁾.

⁽¹³⁾ Xem: *Quy định về chống lấn tránh thuế bán phá giá Hoa Kỳ*.

⁽¹⁴⁾ GATT 1994, điều VI(6)(a).

Theo quy định chống lẩn tránh thuế của EU và Hoa Kỳ, trong trường hợp lắp ráp ở quốc gia thứ ba, lệnh chống bán phá giá có thể được gia hạn nếu có một số điều kiện, chẳng hạn như thay đổi các mô hình thương mại⁽¹⁵⁾ hoặc mối liên hệ thời gian giữa hoạt động lắp ráp và thông qua thuế chống bán phá giá đối với quốc gia chống bán phá giá⁽¹⁶⁾. Tuy nhiên, các quy định về chống lẩn tránh thuế của EU và Hoa Kỳ đều không thể hiện một cách rõ ràng về trình tự, thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá theo quy định tại điều 5 và điều 6 của Hiệp định ADA, và bao gồm hàng hóa trong lệnh chống bán phá giá về bản chất là dựa trên thực tế duy nhất là phụ tùng và sản phẩm của hàng hóa được nhập từ quốc gia bị áp thuế chống bán phá giá⁽¹⁷⁾. Hơn thế nữa, trong trường hợp lắp ráp tại quốc gia thứ ba, không có một cuộc điều tra trong tương lai, nếu có một sự thay đổi trong phán quyết về nơi xuất xứ của sản phẩm bán phá giá, việc gia hạn thuế chống bán phá giá dựa trên cơ sở duy nhất về nguồn gốc xuất xứ của các linh kiện lắp ráp có thể dẫn đến vi phạm các quy định của GATT 1994.

Một tranh cãi khác nữa liên quan đến sự phù hợp của các quy định của EU và Hoa Kỳ đối với các quy định của GATT 1994 là việc gia hạn thuế chống bán phá giá trong trường hợp hoạt động lắp ráp thực hiện ở thị trường nội địa⁽¹⁸⁾. Trường hợp này tương tự trường hợp lắp ráp được thực hiện ở quốc gia thứ ba. Thực tế, các quy định của EU và Hoa Kỳ, các phụ tùng và linh kiện nhập khẩu từ các quốc gia và được lắp ráp ở thị trường nội địa có thể gây ra lẩn tránh thuế khi hoạt động lắp ráp không mang lại lợi ích kinh tế tương

ứng và liên quan đến toàn bộ quá trình sản xuất. Trường hợp lắp ráp ở quốc gia thứ ba, cả Hoa Kỳ và EU đều đưa ra các tiêu chí để định nghĩa sự liên quan của hoạt động lắp ráp. Trong trường hợp lắp ráp ở quốc gia nhập khẩu, sự quan tâm chính đến gia hạn thuế chống bán phá giá đó là việc gia hạn có thể áp dụng đối với các sản phẩm không phải là các sản phẩm tương tự đã bị điều tra chống bán phá giá, nhưng thay vào đó chỉ là các “*linh kiện và phụ tùng*” của sản phẩm bán phá giá. Trường hợp này, việc áp thuế có thể được áp dụng đối với sản phẩm, điều đó không phải “*phá giá*” kỹ thuật, mà là không phù hợp với ADA⁽¹⁹⁾.

Do không có bất cứ quy định nào của WTO về chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, thì việc các quốc gia đưa quy định

⁽¹⁵⁾ Quy định chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của EU, mục 13(1).

⁽¹⁶⁾ Quy định chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của EU, mục 13(4)(b)(ii)(i) và quy định chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ.

⁽¹⁷⁾ Điều 5.4 Hiệp định ADA: quy định cuộc điều tra được khởi xướng khi các nhà sản xuất trong nước đại diện cho ngành sản xuất trong nước nộp đơn kiện và điều 5.2 quy định rằng: người tham gia phải cung cấp các thông tin liên quan của hoạt động phá giá có liên quan đến mô tả sản phẩm, giá xuất khẩu và giá trong nước, và quy mô xuất khẩu. Mục 5.6 quy định: không có khởi xướng điều tra nếu thiếu chứng cứ thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước do bán phá giá và mối quan hệ nhân quả giữa chúng; điều 6.1 quy định: một cuộc điều tra phải bao gồm tất cả các bên liên quan; điều 6.2 quy định: họ sẽ có đầy đủ cơ hội để bảo vệ quyền lợi của mình; mục 6.4 & 6.5 yêu cầu thu thập thông tin trong quá trình điều tra phải được tiếp cận, không có bất cứ lý do gì để bảo mật.

⁽¹⁸⁾ GATT1994 chương VI quy định về thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp.

⁽¹⁹⁾ Điều 9 Hiệp định ADA quy định rằng: áp dụng thuế chống bán phá giá chỉ tác động duy nhất đến sản phẩm phá giá. Điều VI(2) GATT1994, quy định rằng: một bên ký kết có thể đánh thuế chống bán phá giá vào bất cứ sản phẩm bán phá giá nào. Cả Hiệp định ADA và GATT 1994 là không có bất cứ quy định nào về đánh thuế chống bán phá giá đối với phụ tùng và linh kiện.

này vào trong nội luật của mình là hoàn toàn chính đáng và để bảo vệ ngành sản xuất trong nước của họ. Tuy nhiên, các quy định đơn phương có thể dẫn đến sự phản đối từ các quốc gia khác, bởi vì ít nhất hai lý do: *thứ nhất*, các quy định đơn phương tạo ra sự thiếu đồng nhất trong các quy định về chống bán phá giá; *thứ hai*, như cả các quy định ở Hoa Kỳ và EU cho thấy rằng, các quy định trong nước về chống lấn tránh thuế có thể mặc nhiên tạo ra cho chính quyền trong nước có cơ hội tùy tiện áp dụng thuế chống bán phá giá mà không quan tâm có phù hợp với các quy định của WTO hay không.

Vì thế, nhóm làm việc về chống lấn tránh thuế của WTO đã tập trung thảo luận về định nghĩa lấn tránh thuế, đại diện của quốc gia đã thảo luận để đưa vào trong định nghĩa chống lấn tránh thuế chống bán phá giá trường hợp hoạt động lấp rập ở quốc gia thứ ba⁽²⁰⁾. Tuy nhiên, các thành viên của WTO không thể đạt được một thỏa thuận trong vòng đàm phán Uruguay. Những xung đột giữa các thành viên WTO về vấn đề này khá rắc rối. Ví dụ: Hàn Quốc yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO và cáo buộc Hoa Kỳ vi phạm Chương VI của GATT 1994 và Điều 1-2.1 và Điều 3.1 của Hiệp định vì việc áp thuế chống lấn tránh thuế đối với sản phẩm ti vi màu Samsung nhập từ Mexico và Thái Lan mà không chứng minh được hành vi bán phá giá và thiệt hại đã từng xảy ra. Hàn Quốc cũng cho rằng Hoa Kỳ vi phạm Điều 3.1; Điều 3.6; 4.1 và 5.4 của Hiệp định ADA và sai sót khi điều tra để đưa ra phán quyết thuế lấn tránh thuế chống bán phá giá là 24 tháng là vi phạm Điều 5.10 của Hiệp định ADA. Cuối cùng, Hàn Quốc cho rằng Hoa

Kỳ vi phạm Điều X.3 của GATT và Điều 17.6(i) của Hiệp định ADA, vì Hoa Kỳ không xác định đúng sự thật khách quan⁽²¹⁾. Theo quan điểm của Hàn Quốc, do không có Hiệp định đa phương về lấn tránh thuế, Hoa Kỳ buộc phải tuân theo các thủ tục của GATT 1994 và ADA, và nếu Hoa Kỳ muốn, có thể khởi xướng một cuộc điều tra chống bán phá giá thông thường đối với Mexico và Thái Lan. Sau đó, Hoa Kỳ đã thu hồi lệnh chống lấn tránh thuế chống bán phá giá, và Hàn Quốc đã rút yêu cầu đề nghị thành lập một cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO.

Qua vụ việc này cho thấy khác biệt rất lớn giữa các thành viên WTO. Để vượt qua các khúc mắc đó, các thành viên WTO phải loại bỏ các quan điểm cá nhân của họ và xem xét lại vai trò của mình trong chính sách chống lấn tránh thuế, một số chuyên gia cho rằng cần giải quyết lấn tránh thuế ở quốc gia thứ ba không phải như một vấn đề chống bán phá giá, mà là vấn đề theo quy định của nguồn gốc xuất xứ⁽²²⁾. Quy tắc xuất xứ là nội dung chính của GATT 1994 ở cả mục đích ưu đãi và không ưu đãi thương mại, từ khi quy định về xuất xứ định nghĩa các nhân tố quan trọng của hoạt động thương mại giống như

⁽²⁰⁾ Report of the Expert Meeting on the Impact of Anti-Dumping and Countervailing Duty Actions, U.N. Conf. on Trade & Development, Agenda Items 3 & 4, U.N. Doc. TD/B/COM.1/EM.14/2 (2000).

⁽²¹⁾ United States - Imposition of Anti-Dumping Duties on Imports of Color Television Receivers From Korea: Request for the Establishment of a Panel by Korea, W.T.O. Doc. WT/DS89/7, No. 97-4923 (7 November, 1997), http://www.wto.org/english/res_e/booksp_e/casestudies_e/case21_e.htm

⁽²²⁾ Xem: Edwin A. Vermulst, Anti-Dumping and Anti-Subsidy Concerns for Developing Countries in the Millenium Round: Key Areas for Reform, paper presented at UNCTAD Seoul Workshop on the "Positive Agenda" held on June 8-10, 1999.

khái niệm về sản phẩm liên quan trong trường hợp áp dụng biện pháp chống bán phá giá⁽²³⁾. Khái niệm của GATT 1994 về xuất xứ là “*hàng hóa có một quốc tịch riêng*,” và hàng hóa nhập khẩu từ một quốc gia vào một quốc gia phải đối xử như là được xuất xứ từ một quốc gia duy nhất. Sự phân biệt này không được tính đến trong nền kinh tế hiện đại toàn cầu, sản phẩm sản xuất có thể được chia sẻ ở nhiều quốc gia, vì thế một số hoạt động có thể thực hiện nhiều bước trong quá trình sản xuất. Kết quả là các linh kiện này có liên quan đến sản phẩm cuối cùng đối với nhà sản xuất và độc quyền của nơi sản xuất.

4. Trường hợp miễn thuế ở quốc gia thứ ba đã cho thấy sự hạn chế của định nghĩa về “*quốc gia xuất xứ*”. Bởi vì, biện pháp chống bán phá giá là trực tiếp đối với một quốc gia cụ thể, sản phẩm phá giá phải xuất xứ từ các quốc gia đó. Quy định của WTO về xuất xứ không định nghĩa các quy định nội dung cho việc xác định xuất xứ của sản phẩm, và thay vào đó định nghĩa được dành cho các nhà lập pháp trong nước⁽²⁴⁾. Như trong trường hợp các quy định chống miễn thuế của Hoa Kỳ và EU, lệnh chống bán phá giá được gia hạn đối với quốc gia nhập khẩu thứ ba đối với giả thiết rằng công việc lắp ráp hoặc hoàn thiện là một phần nhỏ của quá trình sản xuất. Do đó, sản phẩm cuối cùng không được xem xét xuất xứ ở quốc gia nơi mà hoạt động lắp ráp được thực hiện, nhưng thay vào đó là quốc gia sản xuất linh kiện. Tuy nhiên, giả thuyết này có thể không phù hợp với quá trình sản xuất thực tế vì sự liên quan của lắp ráp, do đó, tùy thuộc vào bản chất của sản phẩm cuối cùng (lắp ráp các sản phẩm máy móc khác

với đồ chơi trẻ em). Giả thuyết về định nghĩa xuất xứ của sản phẩm lắp ráp có thể trái ngược với quan điểm của các quốc gia bán phá giá ban đầu và quốc gia trung gian. Bởi vì, tùy thuộc vào quy định của nội luật của các quốc gia, việc lắp ráp có thể có những khác biệt tương ứng hơn sự liên quan theo ước tính bởi quốc gia áp dụng biện pháp chống bán phá giá⁽²⁵⁾.

Liên tránh thuế quốc gia thứ ba không phải là trường hợp duy nhất phát sinh tranh chấp. Năm 1990, Nhật Bản đã không chấp nhận tính hợp lệ đối với các quy định của Hội đồng châu Âu (EEC) số 1761/81, có liên quan đến việc gia hạn biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm nhất định được lắp ráp ở Cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC) bởi các công ty có liên quan đến Nhật Bản⁽²⁶⁾. Các linh kiện riêng lẻ, đã được nhập khẩu vào EEC không phải nằm trong cuộc điều tra chống bán phá giá ban đầu cũng không chứng minh được họ gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước. Do vậy, không thể áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với các linh kiện riêng lẻ, thậm chí nếu có chứng cứ rằng cùng các nhà sản xuất Nhật Bản tương tự trong đó thứ tự chống bán phá giá ban đầu đã được áp dụng đưa ra trong EEC. EEC áp đặt biện pháp chống miễn thuế đối với các linh kiện. Nhật Bản phản đối và cuối cùng, đã đệ đơn yêu

⁽²³⁾ Xem: Hiệp định về các quy định xuất xứ, điều 1.2 và 9.1(a) phụ lục 1A của GATT 1994.

⁽²⁴⁾ Quy định về xuất xứ của GATT điều. 9.2.

⁽²⁵⁾ Mở rộng các quy định Chống miễn thuế chống bán phá giá ở EU và Hoa Kỳ.

⁽²⁶⁾ Quy định của EEC về phụ tùng và linh kiện, BISD 37S/132, 1990 O.J. L 6657: đề cập đến các quy định của GATT trước vòng đàm phán Uruguay và quy định sửa đổi của EU về chống bán phá giá.

cầu giải quyết tranh chấp trước một Hội đồng giải quyết tranh chấp của GATT.

Nhật Bản tuyên bố xem xét không chỉ các biện pháp cụ thể do EEC thực hiện, mà còn xem xét toàn bộ quy định chống lấn tránh thuế của EC⁽²⁷⁾. Nhật Bản cáo buộc rằng các quy định của EEC nằm ngoài phạm vi của GATT và đề nghị cơ quan giải quyết tranh chấp của GATT yêu cầu EEC thu hồi các biện pháp được nêu. Cơ quan giải quyết tranh chấp thấy rằng trong trường hợp khẩn cấp việc quản lý các quy định về chống lấn tránh thuế và gia hạn thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm cuối cùng là vi phạm Điều III: 2 của GATT⁽²⁸⁾.

Quy định về chống lấn tránh thuế chống bán phá giá của Hòa Kỳ và EU đã cho thấy các quy định đơn phương có thể cho phép gia hạn thuế chống bán phá giá đối với các hoạt động nhập khẩu mà không nằm trong phạm vi của điều tra chống bán phá giá. Vì thế, việc thông qua các quy định chống lấn tránh thuế thống nhất có thể đáp ứng được hai vấn đề: *Thứ nhất*, đưa ra các quy định đa phương sẽ xác định được tiêu chuẩn tối thiểu theo đúng thủ tục cần thiết để áp dụng thuế chống bán phá giá. *Thứ hai*, các quy định ràng buộc đa phương sẽ giới hạn sự "lạm dụng" của cơ quan quản lý trong nước khi gia hạn thuế chống bán phá giá trong trường hợp có lấn tránh thuế.

5. Kết luận

Hành vi lấn tránh thuế chống bán phá giá có thể sẽ làm vô hiệu hóa hoạt động chống bán phá giá của nước nhập khẩu. Bởi vì, khi một sản phẩm bị áp thuế chống bán phá giá ở nước nhập khẩu, ngành sản xuất trong nước ở quốc gia nhập khẩu sẽ

mất lợi thế cạnh tranh và xu hướng chuyển nhà máy sản xuất sang quốc gia thứ ba (không bị đánh thuế chống bán phá giá), hoặc chuyển sang lắp ráp ở quốc gia nhập khẩu. Vì thế, để bảo đảm cho mục tiêu chống bán phá giá được thực hiện có hiệu quả, chúng tôi xin đưa ra 2 kiến nghị như sau:

Thứ nhất, pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam chưa có quy định về khái niệm lấn tránh thuế chống bán phá giá và các quy định về chống lấn tránh thuế chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Hiện nay, do WTO chưa có quy định thống nhất về chống lấn tránh thuế chống bán phá giá. Tuy nhiên, việc quy định về chống lấn tránh thuế chống bán phá giá là phù hợp với điều kiện của GATT và WTO. Để bảo đảm được hiệu quả của chính sách áp dụng pháp luật chống bán phá giá, bảo vệ ngành sản xuất trong nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và lợi ích chung của xã hội. Việt Nam cần phải có khái niệm rõ ràng về hành vi được xem là lấn tránh thuế chống bán phá giá. Bên cạnh đó, pháp luật cũng phải quy định về trình tự, thủ tục để áp thuế đối với hành vi lấn tránh thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Vì thế, khi đưa ra khái niệm này cho riêng mình các nhà lập pháp của Việt Nam cần phải tham khảo các quy định

⁽²⁷⁾ Quy định của ủy ban số 2423/88, điều 13.10(a).1988 O.J.L 209: định nghĩa mở rộng về chống bán phá giá "đối với các sản phẩm được giới thiệu trong thương mại của cộng đồng sau khi được lắp ráp hoặc sản xuất ở cộng đồng".

⁽²⁸⁾ Quy định của EEC về phụ tùng và linh kiện: chỉ áp dụng cho việc giải quyết các vụ kiện chống lấn tránh thuế trước WTO.

và nguyên tắc của GATT/WTO, cũng như quy định của Hoa Kỳ, EU và các quốc gia khác về chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá. Bên cạnh đó, việc tham khảo những tranh chấp đã từng xảy ra khi các quốc gia này bị khiếu nại lên WTO vì áp dụng chính sách chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá cũng rất cần thiết, nhằm tránh các xung đột tiêu cực có thể xảy ra giữa Việt Nam với các thành viên khác của WTO, gây mất ổn định trong quan hệ thương mại quốc tế.

Thứ hai, nếu doanh nghiệp Việt Nam bị áp thuế chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá, chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp khiếu nại lên cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, tương tự như cách mà Hàn Quốc và Nhật Bản đã từng khiếu nại đối với Hoa Kỳ và EU, cơ hội thắng kiện có thể xảy ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994 (GATT 1994).
2. Hiệp định chống bán phá giá của WTO (Hiệp định ADA).
3. Hiệp định về các quy định xuất xứ.
4. Pháp lệnh chống bán phá giá của Việt Nam số 20/2004/PL-UBTVQH11.
5. Quy định về chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ.
6. Quy định về chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá của EU.
7. Quy định của EEC về phụ tùng và linh kiện, BISD 37S/132, 1990 O.J. L 6657: đề cập đến các quy định của GATT trước vòng đàm phán Uruguay và quy định sửa đổi của EU về chống bán phá giá.
8. Quy định của Ủy ban số 2423/88,

điều 13.10(a).1988 O.J.L 209: định nghĩa mở rộng về chống bán phá giá “đối với các sản phẩm được giới thiệu trong thương mại của cộng đồng sau khi được lắp ráp hoặc sản xuất ở cộng đồng”.

9. Quy định EC số 384/96 ngày 22 tháng 12/2005 “*quy định của EU về chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá*”.

10. Edwin A. Vermulst, Anti-Dumping and Anti-Subsidy Concerns for Developing Countries in the Millenium Round: Key Areas for Reform, paper presented at UNCTAD Seoul Workshop on the "Positive Agenda" held on June 8-10, 1999.

11. Edwin Vermulst và Paul Waer, Anti - Diversion Rules in Anti-Dumping Procedures: Interface or Short - Circuit for the Management of Interdependence, 11 MICH. J. INT'LL. 1119 (1990).

12. Keith Steel ed, generally ANTI-DUMPING UNDER THE WTO: A COMPARATIVE REVIEW. Australia, Canada, Japan, Mexico, New Zealand, as well as the EU and US have adopted anti-circumvention measures (1996).

13. Lucia Ostoni, Anti-Dumping Circumvention in the EU and the US: Is There a Future For Multilateral Provisions Under the WTO?

14. Report of the Expert Meeting on the Impact of Anti -Dumping and Countervailing Duty Actions, U.N. Conf. on Trade & Development, Agenda Items 3 & 4, U.N. Doc. TD/B/COM.1/EM.14/2 (2000).

15. United States - Imposition of Anti-Dumping Duties on Imports of Color Television Receivers From Korea: Request for the Establishment of a Panel by Korea, W.T.O. Doc. WT/DS89/7, No. 97-4923 (7 November, 1997).